CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội

Ngày 30/06/2025	5,300 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	1.9%	**6.0%**	**-1.9%**

DT thuần
Q2/25
275
tỷ VNĐ
QoQ: ▼16.0| -5.4%
YoY: ▲ 8.00| 3.1%

LN thuần
Q2/25
-1.63
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.79| -120%
YoY: ▲ 35.4| 95.6%

LN sau thuế
Q2/25
-2.01
tỷ VNĐ
QoQ: ▼9.64| -126%
YoY: ▲ 36.9| 94.8%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
2.4%
YoY: +/-▼ 3.2%

ROE (TTM)
Q2/25
1.7%
YoY: +/-▲ 8.4%

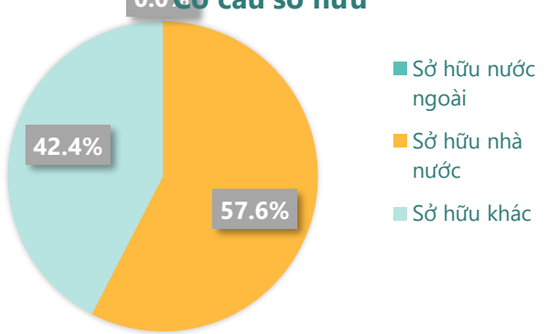
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	4,500 - 7,300
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	109
Số lượng CPLH (CP)	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,810
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.87
EPS	319
P/E	16.6

DT thuần
6T 2025
566
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 42.0| 8.1%

LN thuần
6T 2025
6.52
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.4| 108%

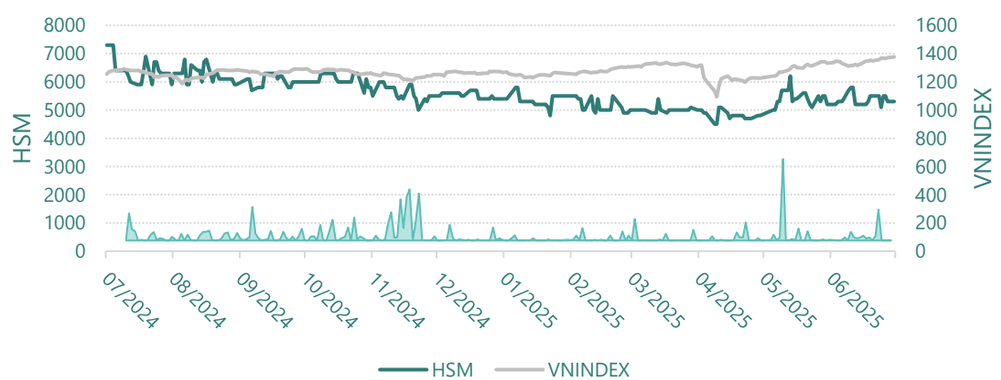
LN sau thuế
6T 2025
5.62
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 89.0| 107%

Cơ cấu sở hữu

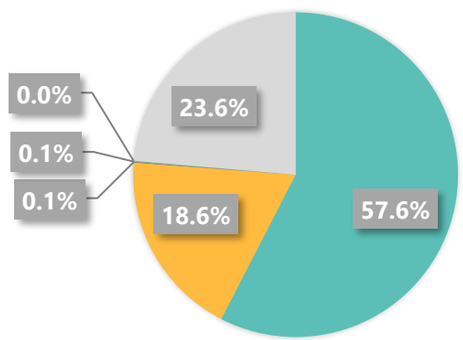


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

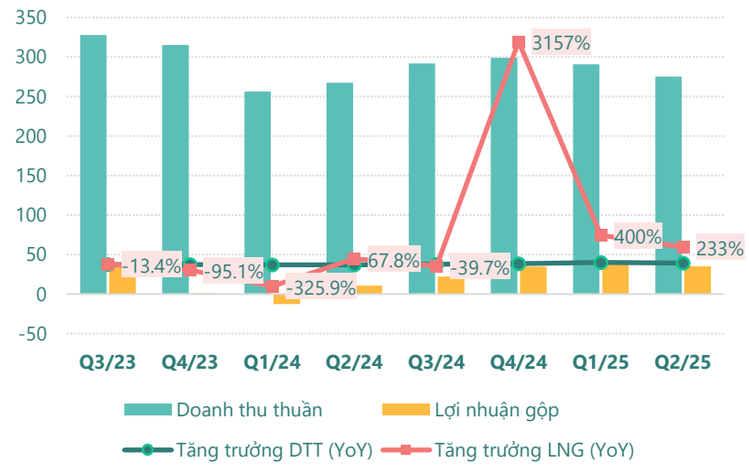


- Công ty TNHH Tổng công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex
- CTCP Dệt may Liên Phương
- Nguyễn Tuấn Đạo (Thành viên Ban kiểm soát)
- Nguyễn Thị Thu Thảo (Kế toán trưởng)
- Nguyễn Trí Sơn (Tổng giám đốc)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

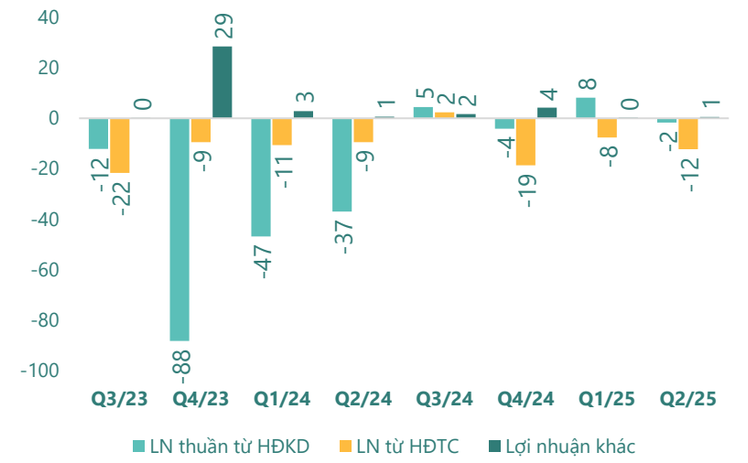
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



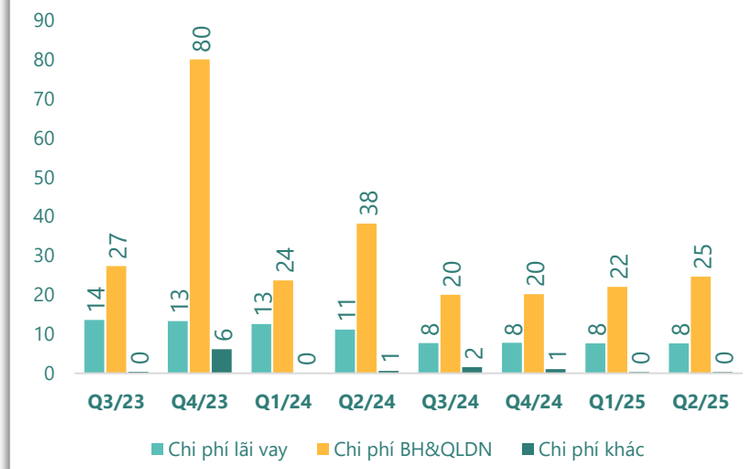
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



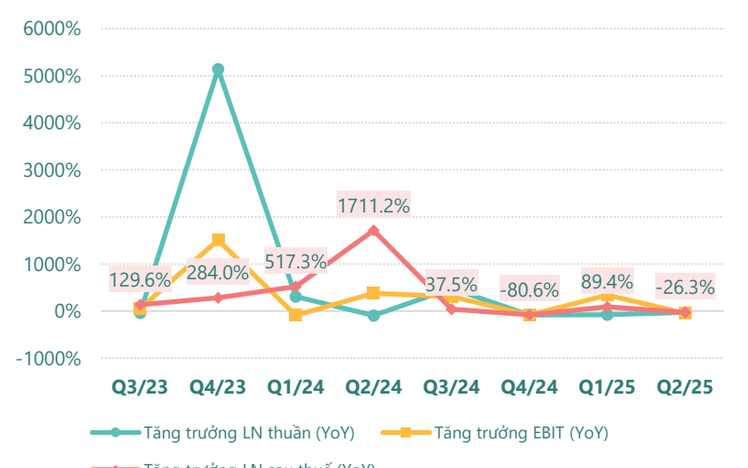
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



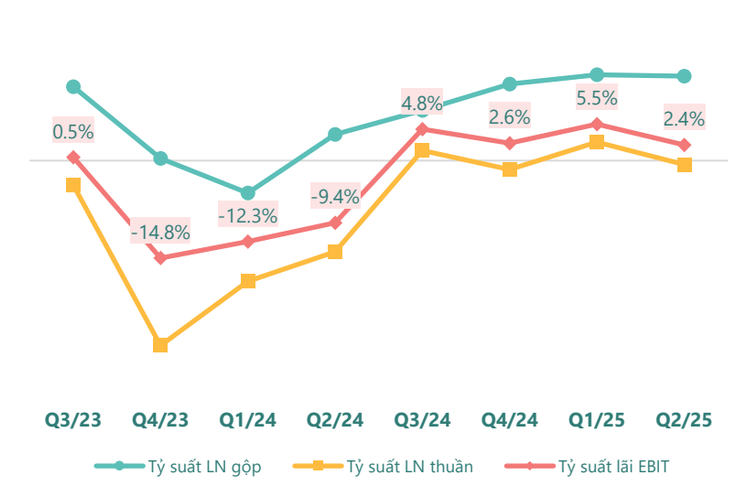
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



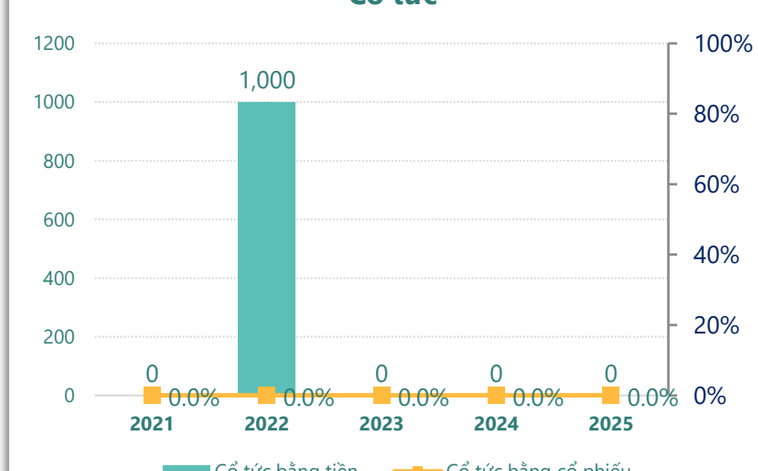
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



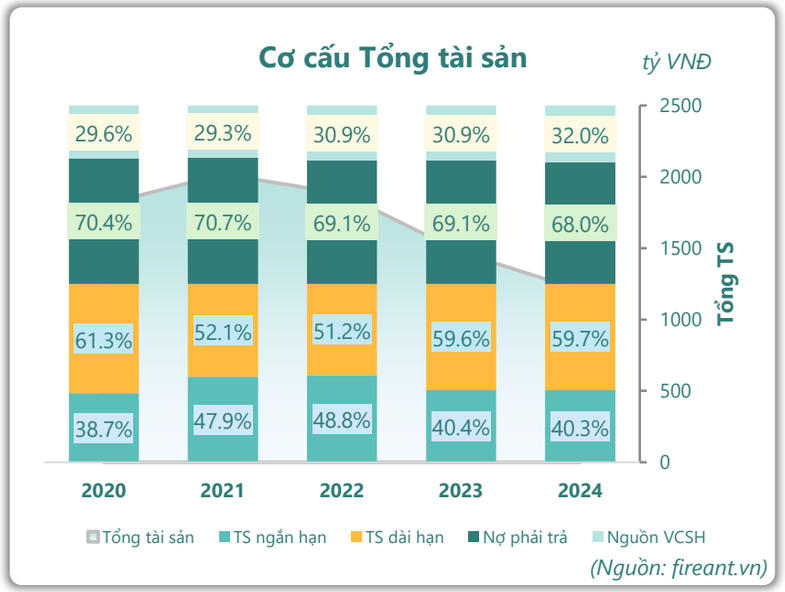
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

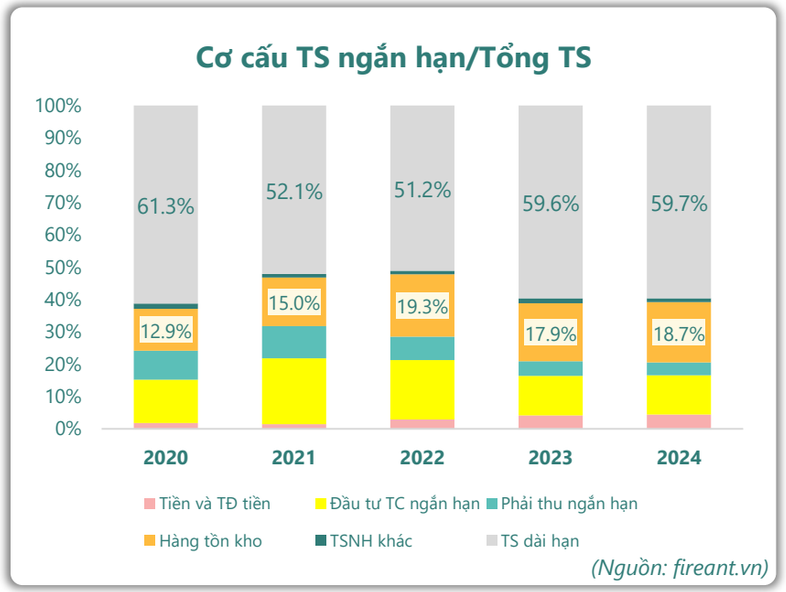


(Nguồn: fireant.vn)

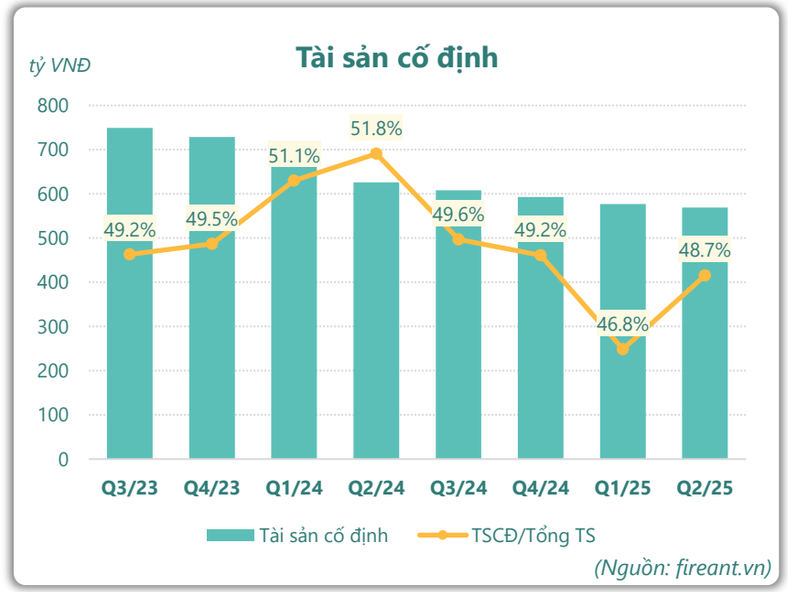
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



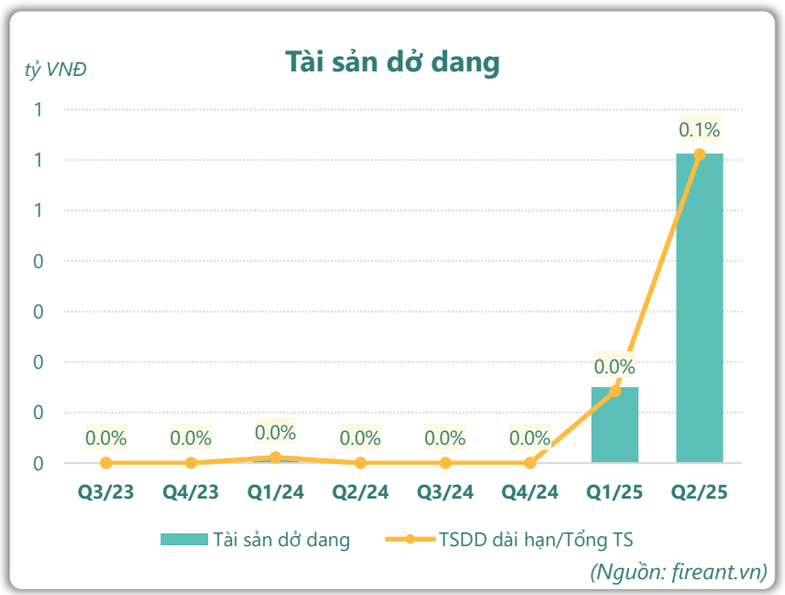
(Nguồn: fireant.vn)



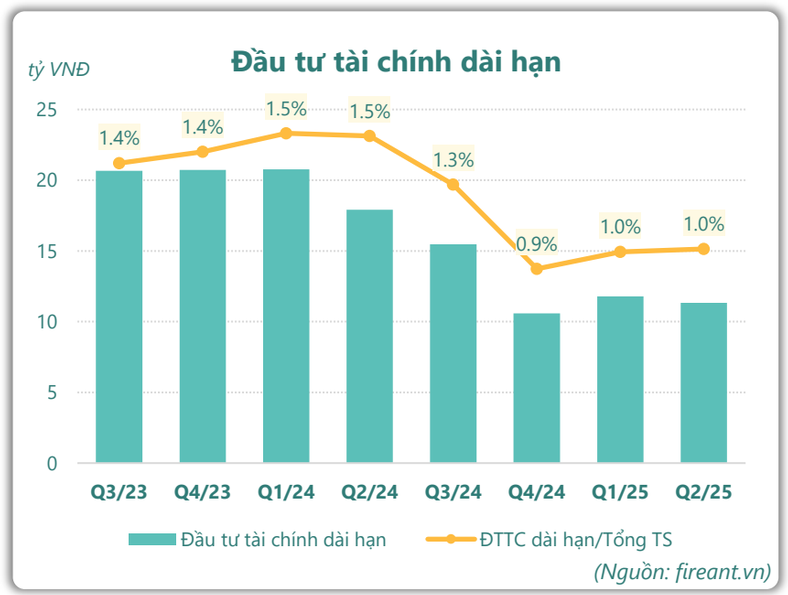
(Nguồn: fireant.vn)



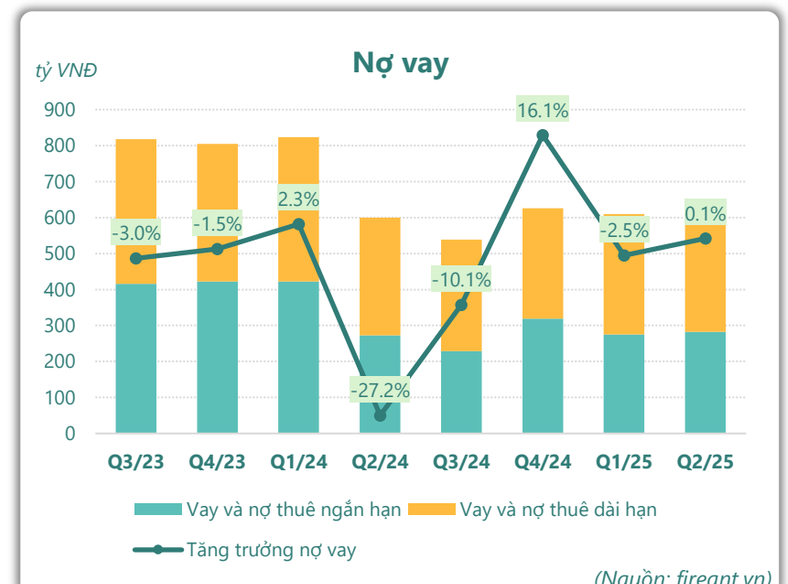
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



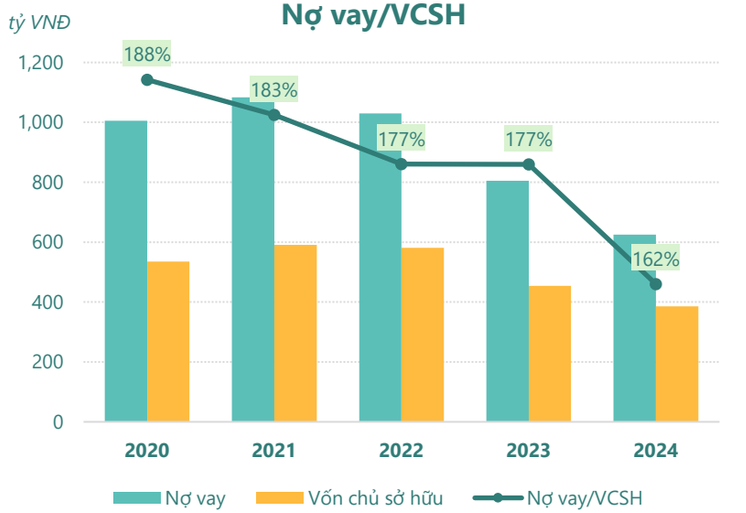
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

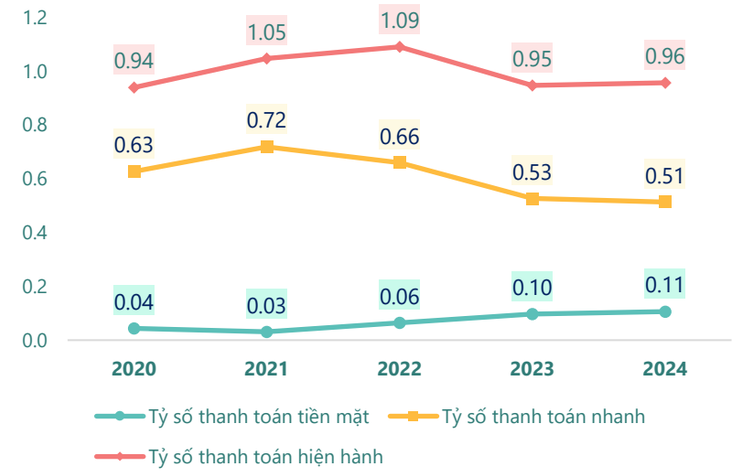
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



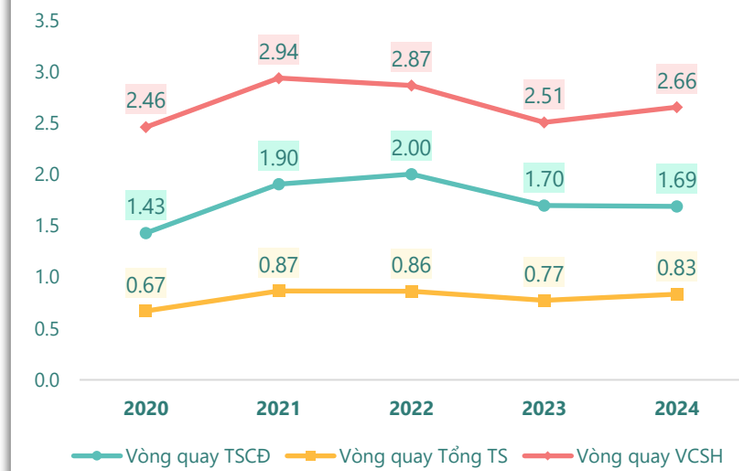
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



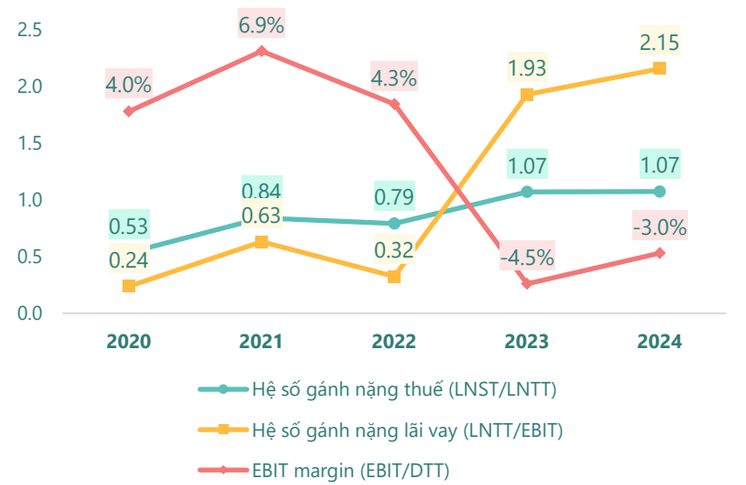
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



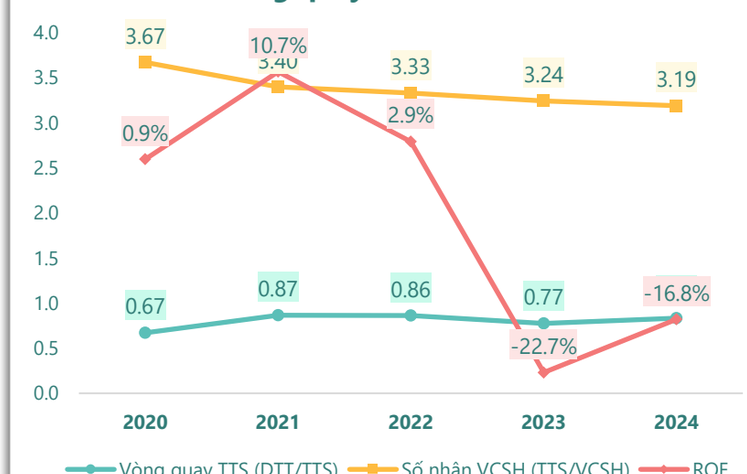
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



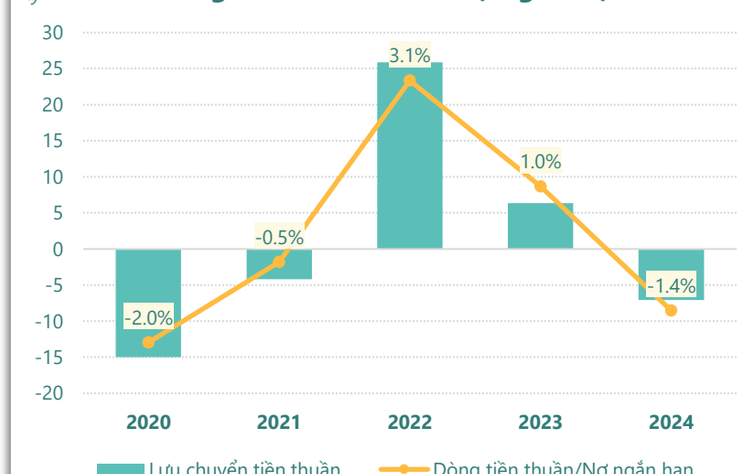
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**275**	**267**	**3.1%**	**566**	**524**	**8.1%**
Giá vốn hàng bán	240	257	-6.6%	493	526	-6.3%
Lợi nhuận gộp	35.3	10.6	233%	73.1	-2.01	3745%
Doanh thu HĐTC	3.95	21.4	-81.6%	7.62	23.5	-67.6%
Chi phí TC	16.2	30.8	-47.3%	27.5	43.7	-37.0%
Chi phí lãi vay	7.60	11.1	-31.5%	15.3	23.7	-35.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.06**	**-100%**	**0**	**0.09**	**-100%**
Chi phí bán hàng	7.88	7.10	10.9%	17.6	14.4	22.6%
Chi phí QLDN	**16.7**	**31.1**	**-46.1%**	**29.1**	**47.5**	**-38.8%**
LN thuần từ HĐKD	-1.63	-37.0	95.6%	6.52	-83.9	108%
Lợi nhuận khác	**0.56**	**0.61**	**-7.7%**	**0.83**	**3.50**	**-76.2%**
LN trước thuế	-1.07	-36.4	97.1%	7.35	-80.4	109%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.01**	**-38.9**	**94.8%**	**5.62**	**-83.4**	**107%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-3.77**	**-37.0**	**89.8%**	**2.35**	**-75.6**	**103%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-35.0	116	108	-121	51.5	-26.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-12.4	29.5	25.4	15.4	-0.78	6.75
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.5	-161	-58.5	67.9	-18.9	-5.72
Tiền đầu kỳ	61.0	32.1	17.1	91.6	53.9	85.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-28.8**	**-15.1**	**74.6**	**-37.7**	**31.9**	**-25.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.01	-0.01	0.01	0	0.02
Tiền cuối kỳ	32.1	17.1	91.6	53.9	85.8	60.1

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,170**	**1,206**	**-3.0%**
Tài sản ngắn hạn	478	486	-1.6%
Tiền và tương đương tiền	60.1	53.9	11.5%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134	145	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	20.5	48.3	-57.4%
Hàng tồn kho	249	225	10.5%
Tài sản ngắn hạn khác	14.9	13.3	12.1%
Tài sản dài hạn	**691**	**719**	**-3.9%**
Phải thu dài hạn	13.5	13.8	-2.2%
Tài sản cố định	569	593	-3.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.61	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	11.3	11.8	-3.8%
Tài sản dài hạn khác	**96.4**	**101**	**-4.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	782	820	-4.7%
Nợ ngắn hạn	**448**	**508**	**-11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	282	319	-11.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	113	123	-8.5%
Nợ dài hạn	334	312	7.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	328	306	7.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**388**	**385**	**0.6%**
Vốn chủ sở hữu	**388**	**385**	**0.6%**
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)